

一会儿见	yī huì er jiàn - see you later
们	men (plural marker for pronouns and nouns)
你	nǐ - you
你好	nǐ hǎo - hello, how are you
再见	zàijiàn - good-bye
同学	tóngxué - fellow student, schoolmate
吗	ma - (ending word of a question)
嗨	hài - hi
好	hǎo - good, well, fine
很	hěn - very

您

nín - you (polite)

我

wǒ - I, me

老师

lǎo shī - teacher

谢谢

xiè xie - thanks